



CHƯƠNG 2: HTML

Giới thiệu HTML

- HTML (HyperText Markup Language) là một ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản
- Không phải là ngôn ngữ lập trình
- Gồm tập các thẻ (tag) đánh dấu
- Dùng để mô tả trang web

CƠ BẢN VỀ HTML

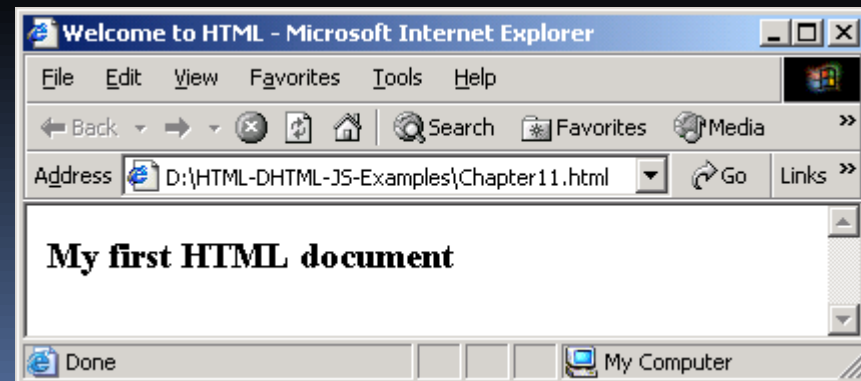
1. CẤU TRÚC CỦA MỘT TÀI LIỆU HTML
2. CÁC THẺ CƠ BẢN

CẤU TRÚC CỦA MỘT TÀI LIỆU HTML

```
<!doctype ... >  
<html>  
  <head>  
    <!-- Phần thông tin cơ bản của tài liệu html --  
>  
  </head>  
  <body>  
    <!-- Phần nội dung chính của tài liệu html -->  
  </body>  
</html>
```

Ví dụ một tài liệu HTML đơn giản

```
<HTML>  
  <HEAD>  
    <TITLE>Welcome to HTML</TITLE>  
  </HEAD>  
  <BODY>  
    <H3>My first HTML document</H3>  
  </BODY>  
</HTML>
```



HTML DOCTYPES

- HTML Doctypes xác định đúng loại tài liệu để trình duyệt hiển thị chính xác nội dung tài liệu
- Đây không phải là một thẻ HTML
- Khai báo Doctype nên đặt đầu tài liệu, trước thẻ `<html>`

CẤU TRÚC CỦA MỘT TÀI LIỆU HTML

<!doctype ... >

NÊN SỬ DỤNG:

HTML

hay

XHTML

CẤU TRÚC CỦA MỘT TÀI LIỆU HTML

`<!doctype ... >`

Html phiên bản mới nhất là 5.0 (thông dụng là 4.01)

Xhtml phiên bản mới nhất là 1.1

Html không phân biệt hoa-thường

Xhtml có phân biệt hoa thường

Html không yêu cầu phải tuân thủ theo chuẩn xml

Xhtml yêu cầu tuân thủ chuẩn xml

CẤU TRÚC CỦA MỘT TÀI LIỆU HTML

<!doctype ... >

Html được w3c ủng hộ mạnh mẽ. Phiên bản html5 đang được nhiều tập đoàn lớn như Microsoft, Google, Adobe, Apple,... ủng hộ.

HTML

CẤU TRÚC CỦA MỘT TÀI LIỆU HTML

```
<!DOCTYPE HTML >
```

```
<html>
```

```
  <head>
```

```
    <!-- Phần thông tin cơ bản của tài  
liệu html -->
```

```
  </head>
```

```
  <body>
```

```
    <!-- Phần nội dung chính của tài liệu  
html -->
```

```
  </body>
```

```
</html>
```

CẤU TRÚC CỦA MỘT TÀI LIỆU HTML

Bắt
buộc

```
...  
<html>  
  <head>  
    <!-- Phần thông tin cơ bản  
    của tài liệu html -->  
  </head>  
  <body>  
    <!-- Phần nội dung chính của  
    tài liệu html -->  
  </body>  
</html>
```

Có thể
có

Các thẻ HTML

- Thẻ HTML được sử dụng để đánh dấu sự bắt đầu và kết thúc của tài liệu HTML

`<HTML> ... </HTML>`

- Một thẻ HTML bao gồm :

`<ELEMENT ATTRIBUTE = value>`

- Element – Nhận dạng thẻ
- Attribute – Mô tả thẻ
- Value – Giá trị được thiết lập cho thuộc tính

CẤU TRÚC CỦA MỘT TÀI LIỆU HTML

Thẻ <head> thường chứa các thẻ sau:

(1) Thẻ <title>Tiêu đề</title>: tiêu đề hiển thị của trang web

(2) Thẻ <meta >. Thẻ <meta> có thể chứa các thuộc tính:

- **charset**: bộ giải mã kí tự, ví dụ utf8 (cho font Unicode)

- **content**: nội dung tương ứng với name hoặc http-equiv

- **http-equiv**: content-type, default-style, refresh

- **name**: application-name, author, description, generator, keywords

- **scheme** : địa chỉ của lược đồ được sử dụng

CẤU TRÚC CỦA MỘT TÀI LIỆU HTML

Ví dụ.

```
<html>
```

```
<head>
```

```
  <title>Ví dụ đầu tiên về HTML</title>
```

```
  <meta http-equiv="refresh" content="30" >
```

```
  <meta http-equiv="Content-Type"
```

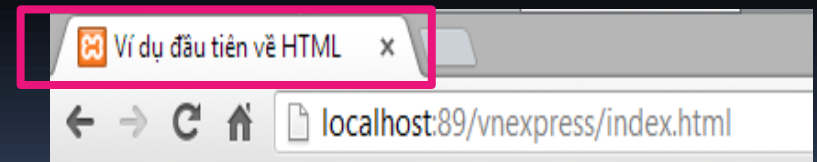
```
content="text/html; charset=utf-8">
```

```
  <meta name="author" content="HueIC">
```

```
</head>
```

```
<body></body>
```

```
</html>
```



CÁC THẺ HTML CƠ BẢN

- Thẻ <a>: tạo siêu liên kết.

```
1 <html>
2 <body>
3   <a href="http://google.com" name="google" rel=""
4   target="_blank" title="Mở Trang Google">Google.com</a>
5 </body>
</html>
```

[Google.com](http://google.com)

Mở Trang Google

href: địa chỉ của tài nguyên liên kết đến.

name: tên của thẻ.

rel: tương tự như thuộc tính rel của thẻ link.

target: cách mở liên kết - _blank, _parent, _self, _top, new.

title: dòng chú thích khi đưa trỏ chuột lên trên liên kết.

<a>Nội dung: nội dung hiển thị sẽ được đặt trong thẻ a.

CÁC THẺ HTML CƠ BẢN

```
<html>
<body>
  Hôm nay, tổ chức <abbr title="World Trade
  Organization">WTO</abbr> sẽ ra phán quyết về
  vụ kiện kinh tế giữa Mỹ và Trung Quốc.
</body>
</html>
```

Hôm nay, tổ chức WTO sẽ ra phán quyết về vụ kiện kinh tế giữa Mỹ và Trung Quốc.

World Trade Organization



- Thẻ `<abbr>`: tạo lời giải thích cho một cụm từ viết tắt.

CÁC THẺ HTML CƠ BẢN

```
1 <html>
2 <body>
3   Hôm nay, tổ chức <b>WTO</b> sẽ ra phán
4   quyết về vụ kiện kinh tế giữa Mỹ và Trung
5   Quốc.
6 </body>
7 </html>
```

Hôm nay, tổ chức **WTO** sẽ ra phán quyết về vụ kiện kinh tế giữa Mỹ và Trung Quốc.

- Thẻ ``: tạo chữ in đậm.

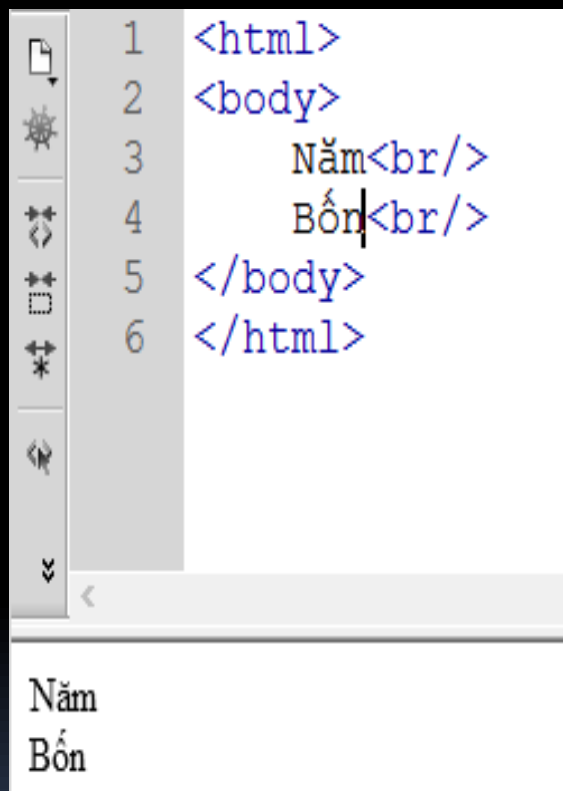
CÁC THẺ HTML CƠ BẢN

```
1 <html>
2 <body>
3   <blockquote cite="http://wikipedia.org">
4     Việt nam - một quốc gia nằm ở khu vực Đông
5     Nam Á là một trong những trung tâm kinh tế
      năng động của khu vực.</blockquote>
6 </body>
7 </html>
```

Việt nam - một quốc gia nằm ở khu vực Đông Nam Á là một trong những trung tâm kinh tế năng động của khu vực.

- Thẻ `<blockquote>`: tạo một đoạn văn bản trích dẫn.

CÁC THẺ HTML CƠ BẢN

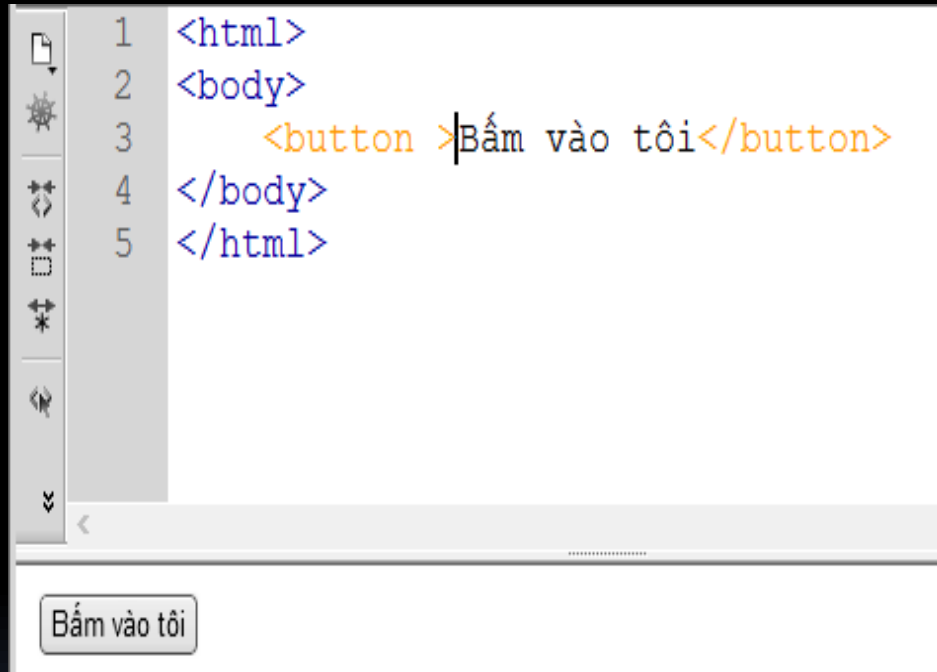


```
1 <html>
2 <body>
3     Năm<br/>
4     Bốn<br/>
5 </body>
6 </html>
```

Năm
Bốn

- Thẻ `
`: tạo dấu break line (xuống dòng).

CÁC THẺ HTML CƠ BẢN



```
1 <html>
2 <body>
3     <button >Bấm vào tôi</button>
4 </body>
5 </html>
```

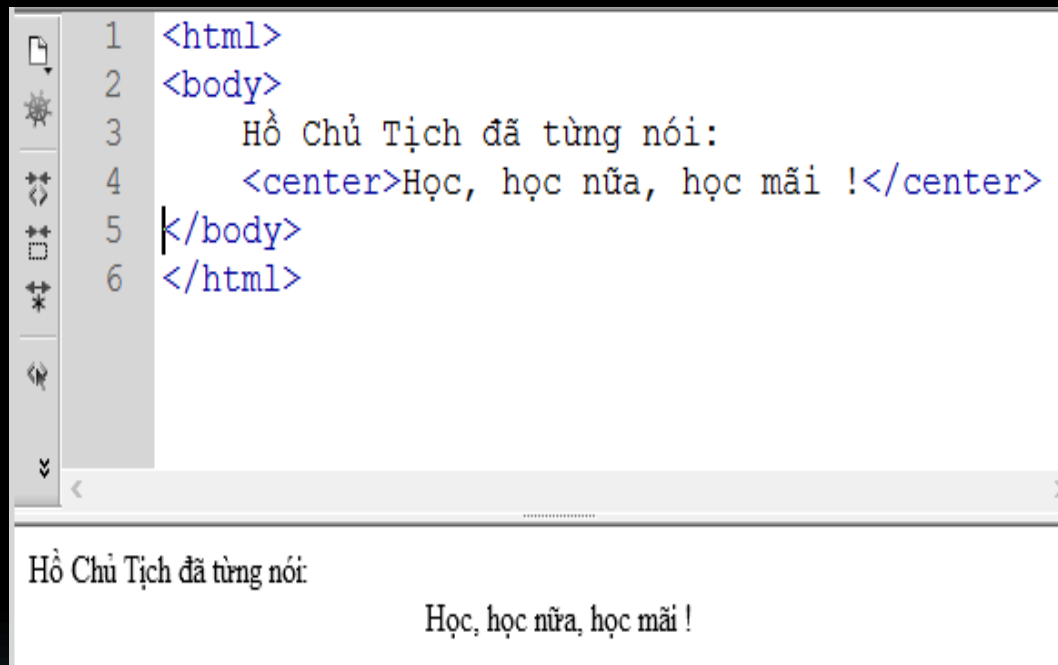
The screenshot shows a code editor with a toolbar on the left. The code is as follows:

```
1 <html>
2 <body>
3     <button >Bấm vào tôi</button>
4 </body>
5 </html>
```

Below the code editor, the rendered output is shown as a button with the text "Bấm vào tôi".

- Thẻ `<canvas>`: tạo một vùng để vẽ đồ họa.
- Thẻ `<button>`: tạo một nút nhấn.

CÁC THẺ HTML CƠ BẢN



```
1 <html>
2 <body>
3     Hồ Chủ Tịch đã từng nói:
4     <center>Học, học nữa, học mãi !</center>
5 </body>
6 </html>
```

Hồ Chủ Tịch đã từng nói:

Học, học nữa, học mãi !

- Thẻ `<center>`: tạo vùng văn bản canh giữa.

CÁC THẺ HTML CƠ BẢN

- Thẻ `<code>`: tạo một vùng mã kết hợp định dạng css. Thường sử dụng khi tạo mã lệnh định dạng theo phong cách của các ngôn ngữ lập trình. Mặc định, nó chỉ hiển thị theo font chữ courier.



```
1 <html>
2   <body>
3     <code>
4       #include<iostream> <br/>
5       int main(){ <br />
6         &nbsp; return 0; <br />
7       }
8     </code>
9   </body>
10  </html>
```

```
#include<iostream>
int main(){
    return 0;
} |
```

CÁC THẺ HTML CƠ BẢN

- Thẻ <option>: tạo một danh sách tùy chọn (kết hợp với select hoặc datalist*).

Ví dụ:

```
<option value="giá trị 1">Giá trị  
1</option>
```

```
<option value="giá trị 2">Giá trị  
2</option>
```

```
<option value="giá trị 3">Giá trị  
3</option>
```


```
<option value="giá trị 4">Giá trị  
4</option>
```

CÁC THẺ HTML CƠ BẢN

- Thẻ `<fieldset>`:
tạo một khung
hiển thị theo
nhóm.

- Thẻ `<legend>`:
tạo chú thích cho
nhóm `fieldset`.

```
1 <html>
2   <body>
3     <fieldset>
4       <legend>Các nội dung</legend>
5       Nội dung 1<br/>
6       Nội dung 2
7     </fieldset>
8   </body>
9 </html>
```



CÁC THẺ HTML CƠ BẢN

- Thẻ ``:
định dạng
font chữ.

```
1 <html>
2   <body>
3     <font color="red" size="14" face=
4     "Tahoma, Geneva, sans-serif">Xin chào
5   </body>
6 </html>
```

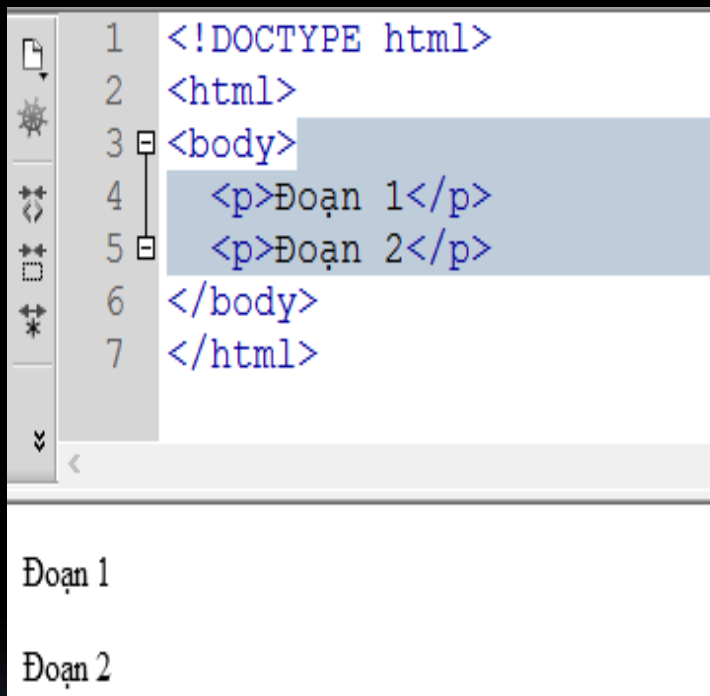
Xin chào HTML

color: màu font chữ.

size: kích thước font chữ.

face: tên font chữ.

CÁC THẺ HTML CƠ BẢN



```
1 <!DOCTYPE html>
2 <html>
3 <body>
4   <p>Đoạn 1</p>
5   <p>Đoạn 2</p>
6 </body>
7 </html>
```

Đoạn 1

Đoạn 2

- Thẻ `<p>`: tạo một đoạn văn bản.

CÁC THẺ HTML CƠ BẢN

```
2 <html>
3 <body>
4   <h1>Heading 1</h1>
5   <h2>Heading 2</h2>
6   <h3>Heading 3</h3>
7   <h4>Heading 4</h4>
8   <h5>Heading 5</h5>
9   <h6>Heading 6</h6>
10 </body>
11 </html>
```

Heading 1

Heading 2

Heading 3

Heading 4

Heading 5

Heading 6

- Thẻ `<h1>`

thực heading.

CÁC THẺ HTML CƠ BẢN

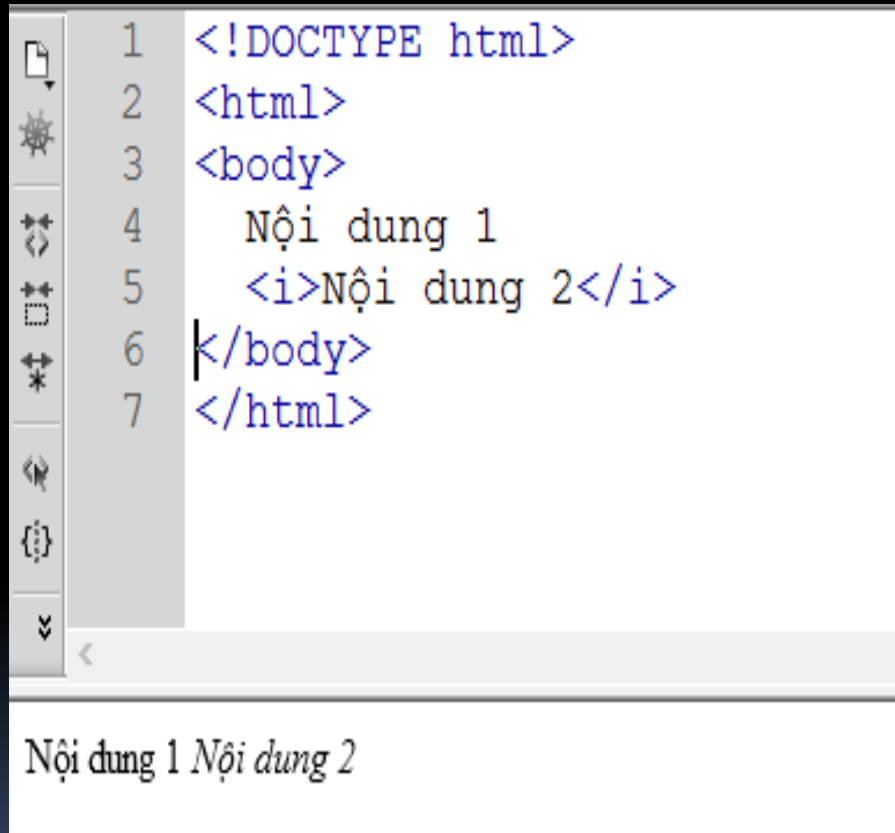
```
1 <!DOCTYPE html>
2 <html>
3 <body>
4   Nội dung 1
5   <hr>
6   Nội dung 2
7 </body>
8 </html>
```

Nội dung 1

Nội dung 2

- Thẻ `<hr>`: tạo một đường phân tách ngang.

CÁC THẺ HTML CƠ BẢN



The image shows a code editor window with a toolbar on the left and a rendered preview at the bottom. The code in the editor is as follows:

```
1 <!DOCTYPE html>
2 <html>
3 <body>
4   Nội dung 1
5   <i>Nội dung 2</i>
6 </body>
7 </html>
```

The rendered preview at the bottom shows the text "Nội dung 1" followed by "Nội dung 2" in italics.

- Thẻ `<i>`: tạo văn bản in nghiêng.

Định dạng văn bản

TAG	DESCRIPTION
...	Định dạng văn bản in đậm
<i>...</i>	Định dạng văn bản in nghiêng
<u>...</u>	Định dạng văn bản có gạch chân
<big>...</big>	Định dạng văn bản có kích thước lớn hơn kích cỡ font chữ hiện thời 1 đơn vị
...	Định dạng văn bản nhấn mạnh
<small>...</small>	Định dạng văn bản có kích thước nhỏ hơn kích cỡ font chữ hiện thời 1 đơn vị
...	Định dạng văn bản in đậm
^{...}	Định dạng chỉ số trên
_{...}	Định dạng chỉ số dưới
..., <s>...</s>, <strike>...</strike>	Định dạng văn bản bị xóa bỏ

Một số ký tự đặc biệt

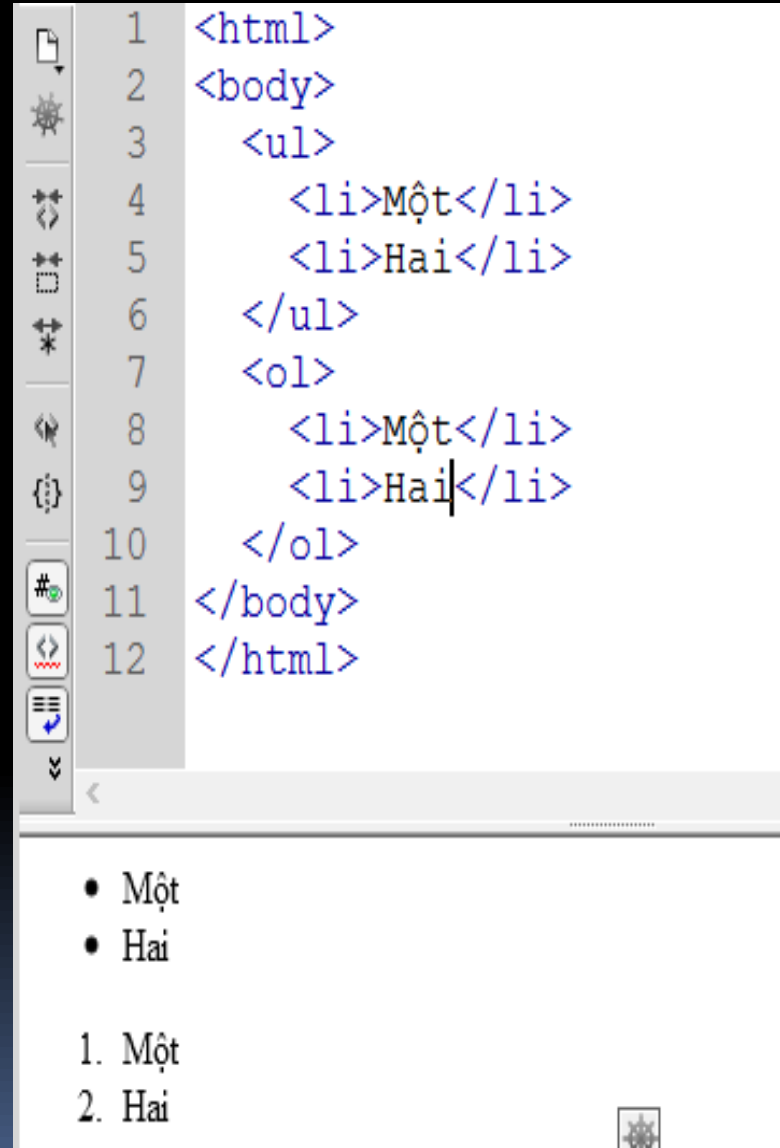
Result	Description	Entity Name	Entity Number
	non-breaking space	 	
<	less than	<	<
>	greater than	>	>
&	ampersand	&	&
¢	cent	¢	¢
£	pound	£	£
¥	yen	¥	¥
€	euro	€	€
§	section	§	§
©	copyright	©	©
®	registered trademark	®	®
™	trademark	™	™

CÁC THẺ HTML CƠ BẢN

- Thẻ ``: danh sách các phần tử (kết hợp với `ol` hoặc `ul`).

- Thẻ ``: tạo danh sách đánh chỉ số.

- Thẻ ``: tạo danh sách không đánh chỉ số.



```
1 <html>
2 <body>
3   <ul>
4     <li>Một</li>
5     <li>Hai</li>
6   </ul>
7   <ol>
8     <li>Một</li>
9     <li>Hai</li>
10  </ol>
11 </body>
12 </html>
```

The screenshot shows a code editor with a toolbar on the left and a preview window at the bottom. The code defines an unordered list and an ordered list. The preview window displays the rendered HTML: an unordered list with two items, 'Một' and 'Hai', followed by an ordered list with two items, '1. Một' and '2. Hai'.

BẢNG BIỂU

<TABLE> ... </TABLE> Định nghĩa một bảng

<TR> ... </TR> Định nghĩa một hàng trong bảng

<TD> ... </TD> Định nghĩa một ô trong hàng

Ví dụ: <table border="1">

<tr>

<td>row 1, cell 1</td>

<td>row 1, cell 2</td> </tr>

<tr>

<td>row 2, cell 1</td>

<td>row 2, cell 2</td>

</tr>

</table>

Các thuộc tính của bảng

Thuộc tính	Ý nghĩa
Width="100%"	Xác định độ rộng
Align="Left/Center/Right"	Canh văn bản chứa trong đối tượng
Border="0px"	Xác định kích thước khung viền
BorderColor="color"	Xác định màu khung viền
BorderColorDark="color"	Xác định màu khung viền tối
BorderColorLight="color"	Xác định màu khung viền sáng
BackGround="URL"	Xác định ảnh nền cho đối tượng
BgColor="color"	Xác định màu nền cho đối tượng
CellSpacing="0px"	Xác định khoảng cách giữa văn bản và khung viền
CellPadding="0px"	Xác định khoảng cách giữa hai khung viền sáng và tối

Ví dụ

```
< table border="1px">
< tr>
< td>Apples</td>
< td>44%</td>
< /tr>
< tr>
< td>Bananas</td>
< td>23%</td>
< /tr>
< tr>
< td>Oranges</td>
< td>13%</td>
< /tr>
< tr>
< td>Other</td>
< td>10%</td>
< /tr>
< /table>
```

Apples	44%
Bananas	23%
Oranges	13%
Other	10%

Lưu ý:

Đối tượng áp dụng các thuộc tính: <table>, <tr> hoặc <td>

Thông tin tiêu đề trong một bảng được định nghĩa với thẻ `<th>`. Văn bản thuộc thẻ `<th>` văn bản `</th>` được định dạng in đậm và canh giữa

```
<table border="1">
<tr>
<th>Header 1</th>
<th>Header 2</th>
</tr>
<tr>
<td>row 1, cell 1</td>
<td>row 1, cell 2</td>
</tr>
<tr>
<td>row 2, cell 1</td>
<td>row 2, cell 2</td>
</tr>
</table>
```

Header 1	Header 2
row 1, cell 1	row 1, cell 2
row 2, cell 1	row 2, cell 2

Colspan và Rowspan

Thuộc tính	Ý nghĩa
Colspan	Xác định số lượng các ô được gộp với nhau trên một dòng
Rowspan	Xác định số lượng các ô được gộp với nhau trên một cột

- Lưu ý: Đối tượng áp dụng: `<tr>`, `<td>`
- Ví dụ:

```
<table border="1">
<tr>
<td rowspan="2" align="center">
Trộn ô cột 1 và ô cột 2</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>&nbsp;</td>
</tr>
</table>
```

```
<table border="1" width="100%">
<tr>
<td colspan="2" align="center">
Trộn ô dòng 1 và ô dòng 2</td>
</tr>
<tr>
<td>&nbsp;</td>
<td>&nbsp;</td>
</tr>
</table>
```

Bài thực hành 1

Đoạn mã HTML minh họa một thẻ liên kết

```
<HTML>
<HEAD> <TITLE> First Linked Document </TITLE> </HEAD> <BODY>
  <H1> TO OPEN THE NEW DOCUMENT <BR>  <A HREF="TEST.HTML">CLICK HERE
</A> </H1>
</BODY>
</HTML>
```

Chú ý: Trước khi chạy đoạn mã này thì file TEST.HTML phải tồn tại. Nội dung của nó như sau: (Mở một file Notepad mới gõ nội dung và lưu với tên file TEST.HTML trong cùng thư mục của file nguồn)

```
<HTML>
<HEAD> <TITLE> A sample HTML Document </TITLE> </HEAD>
<BODY> <P> This is a sample html document
</BODY>
</HTML>
```

Minh họa liên kết trong trang

```
<HTML>
```

```
<HEAD>
```

```
<TITLE>Linking in the Same Document </TITLE> </HEAD>
```

```
<BODY>
```

```
<H1><CENTER> HUBS DETAILS </CENTER></H1>
```

```
<A HREF="#Overview">Overview</A><BR>
```

```
<A HREF="#Benefits">Benefits</A><BR>
```

```
<A HREF="#Features">Features</A><BR>
```

```
<A HREF="#Technical Specifications">Technical Specifications</A><BR>
```

```
<H2><A NAME="Overview"> Overview </H2><BR>
```

```
<P> BayStack SNMP, Advanced, and SA 10Base-T Stackable Hubs from Bay Networks offer simple, scable solutions for supporting small and growing Ethernet networks..... </P>
```

```
<H2><A NAME="Benefits">Benefits</A></H2><BR>
```

```
<P>Scalable from 12 to 260 Nodes Baystack 10BASE-T Hubs deliver a simple and cost-effective method for starting and growing Ethernet networks..... </P>
```

```
<H2><A NAME="Features">Features</A></H2><BR>
```

```
<P>The BayStack 10BASE-T Hubs deliver simple, scalable, plug-and play solutions for small and growing Ethernet net-work environments..... </P>
```

```
<H2><A NAME="Technical Specifications">Technical Specifications</A></H2><BR>
```

```
<P>Technical Specifications for the BayStack 10BASE-T Hubs are shown in Table 1.....</P>
```

```
</BODY>
```

```
</HTML>
```

Dùng ký tự đặc biệt trong tài liệu HTML

```
<HTML>
```

```
<HEAD>
```

```
<TITLE>Learning HTML</TITLE> </HEAD>
```

```
<BODY>
```

```
<P>
```

```
<CODE>If A &gt; B Then <BR> A = A - 1
```

```
</CODE>
```

```
<P><CODE>If A &lt; B Then <BR> A = A + 1
```

```
</CODE>
```

```
<P> The above statements used special  
characters </BODY>
```

```
</HTML>
```


Dùng phần tử <META> để refresh lại trang

```
<HTML>
```

```
<HEAD>
```

```
<META http-equiv="Refresh" content="2">
```

```
<TITLE> Using META Element </TITLE>
```

```
</HEAD>
```

```
<BODY>
```

```
<P>This page is refreshed after every 2 seconds
```

```
</BODY>
```

```
</HTML>
```

```

1 <html>
2 <body>
3 <table width="40%" border="1" cellspacing="0" cellpadding="0" align="center">
4   <tr align="center" valign="top">
5     <td height="53" colspan="2">Quý Đầu</td>
6     <td colspan="2">Quý Cuối</td>
7   </tr>
8   <tr align="center">
9     <td>Thu</td>
10    <td>Chi</td>
11    <td>Thu</td>
12    <td>Chi</td>
13  </tr>
14  <tr align="center">
15    <td>100</td>
16    <td>90</td>
17    <td>230</td>
18    <td>140</td>
19  </tr>
20 </table>
21 </body>
22 </html>
23

```

Quý Đầu		Quý Cuối	
Thu	Chi	Thu	Chi
100	90	230	140

Bài thực hành 2

1. Viết một trang web mô tả về gia đình và các vật nuôi của bạn. Kịch vào liên kết "Mô tả gia đình" nó sẽ đưa bạn đến phần mô tả về gia đình . Khi kịch vào liên kết "Mô tả vật nuôi" nó sẽ đưa bạn đến phần mô tả về vật nuôi của bạn. Gợi ý: Sử dụng neo "anchor" và những phần tử "đoạn"
2. Viết câu lệnh HTML để hiển thị dòng sau trong một trang web.

For more information, please send an e-mail to me,
Garywilson@MyCompany.com










Gợi ý: Đặt câu lệnh sau vào trong phần <BODY> của file HTML.
Garywilson@MyCompany.com

Bài thực hành 2 (tt)

1. Viết đoạn mã HTML trở đến đoạn "Football" trong trang MyFile.html từ trang First.html (``)
2. Viết một tài liệu HTML để giải thích cách dùng các ký tự đặc biệt.

HTML Colors

- HTML Colors sử dụng các kí hiệu thuộc hệ thập lục phân để tạo màu cho trang Web

Color	Color HEX	Color RGB
	#000000	rgb(0,0,0)
	#FF0000	rgb(255,0,0)
	#00FF00	rgb(0,255,0)
	#0000FF	rgb(0,0,255)
	#FFFF00	rgb(255,255,0)
	#00FFFF	rgb(0,255,255)
	#FF00FF	rgb(255,0,255)
	#C0C0C0	rgb(192,192,192)
	#FFFFFF	rgb(255,255,255)

Images

- HTML Images được định nghĩa với thẻ ``

```
<IMG SRC = url  
ALIGN   = TOP/MIDDLE/BOTTOM  
ALT     = title  
WIDTH   = n  
HEIGHT  = n  
BORDER  = n  
VSPACE  = n  
HSPACE  = n  
>
```

```

```

CÁC THẺ HTML CƠ BẢN

```
1 <!DOCTYPE html>
2 <html>
3 <body>
4   
5 </body>
6 </html>
```



CÁC THẺ HTML CƠ BẢN

- Thẻ `<figure>`: tạo vùng chèn ảnh.
- Thẻ `<figcaption>`: giải thích cho hình ảnh (lồng trong figure).

```
1 <!DOCTYPE html>
2 <html>
3 <body>
4 <p>Núi đá PonPil của Nauy là một trong những kì quan
  thiên nhiên của thế giới.</p>
5 <figure>
6   
7   <figcaption>Hình 1. Núi đá PonPil của Nauy.</
  figcaption>
8 </figure>
9 </body>
10 </html>
```

Núi đá PonPil của Nauy là một trong những kì quan thiên nhiên của thế giới.



Hình 1. Núi đá PonPil của Nauy.

FORM

- Để tạo ra một form trong tài liệu HTML, chúng ta sử dụng thẻ `<form>`.
- Thẻ `<form>` dùng để chuyển dữ liệu từ Client đến Server để xử lý thông qua trình duyệt.

```
<FORM  
ACTION = "URL"  
METHOD = "GET | POST"  
NAME          = "tên_form" >  
  <!-- Các phần tử điều khiển của form được đặt ở đây -->  
  <INPUT ...>  
  <INPUT ...>  
</FORM>
```

CÁC PHẦN TỬ CỦA FORM

- Text Fields
- Password Fields
- Checkbox
- Radio-button
- Submit button
- Select List
- Text Area

Text Field

- `<input type="text" />` định nghĩa một ô nhập văn bản trên một dòng thuộc Form

```
<form>  
First name: <input type="text" name="firstname" /><br />  
Last name: <input type="text" name="lastname" />  
</form>
```

Password Fields

- `<input type="password" />` định nghĩa một ô nhập văn bản theo dạng mật khẩu của người sử dụng

```
<form>  
First name: <input type="text" name="firstname" /><br />  
Last name: <input type="text" name="lastname" />  
Password: <input type="password" name="pwd" />  
</form>
```

Radio

- `<input type="radio" />` định nghĩa một danh sách chọn theo kiểu chọn một mục trong nhiều mục giới hạn.

```
<form>
First name: <input type="text" name="firstname" /><br />
Last name: <input type="text" name="lastname" />
Password: <input type="password" name="pwd" />
<input type="radio" name="sex" value="male" /> Male<br />
<input type="radio" name="sex" value="female" /> Female
</form>
```

Checkbox

- `<input type="checkbox" />` định nghĩa một danh sách tùy chọn để người dùng có thể chọn một hoặc nhiều hoặc không

```
<form>
First name: <input type="text" name="firstname" /><br />
Last name: <input type="text" name="lastname" />
Password: <input type="password" name="pwd" />
<input type="radio" name="sex" value="male" /> Male<br />
<input type="radio" name="sex" value="female" /> Female
<input type="checkbox" name="vehicle" value="Bike" /> I have a
bike<br />
<input type="checkbox" name="vehicle" value="Car" /> I have a car
</form>
```

Submit button

- `<input type="submit" />` định nghĩa một nút bấm nhằm gửi dữ liệu từ một Form đến Server. • Dữ liệu được gửi đến một trang chỉ định trong thuộc tính action của Form. • Trang chỉ định sẽ xử lý dữ liệu nhận được theo kịch bản của người lập trình.

```
<form name="input" action="html_form_action.asp" method="get">  
Username: <input type="text" name="user" />  
<input type="submit" value="Submit" />  
</form
```

Text Area

```
<TEXTAREA COLS=số cột ROWS=số hàng NAME=tên >  
Nội dung mặc định  
</TEXTAREA>
```

```
<textarea rows="10" cols="30">The cat was playing in the garden. </textarea>
```


Reset Button

```
<html>
<body>
<h3>Send e-mail to lttam@hueic.edu.vn:</h3>
<form action="MAILTO:lttam@hueic.edu.vn" method="post"
enctype="text/plain">
Name: <input type="text" name="name" value="your name" /><br />
E-mail: <input type="text" name="mail" value="your email" /><br />
Comment:<input type="text" name="comment" value="your comment"
size="50" />
<br /><br />
<input type="submit" value="Send">
<input type="reset" value="Reset">
</form>
</body>
</html>
```

Select List

```
<SELECT NAME="tên danh sách">  
<OPTION VALUE="value1" SELECTED> Tên mục chọn thứ nhất</OPTION>  
<OPTION VALUE="value2"> Tên mục chọn thứ hai</OPTION>  
<!-- Danh sách các mục chọn khác-->  
</SELECT>
```

```
<select>  
<option value="volvo">Iphone 5s</option>  
<option value="saab">Ipad 4</option>  
<option value="mercedes">Samsung Galaxy</option>  
<option value="audi">Nokia Lumia</option>  
</select>
```